

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3460 /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 27 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Hòa Hiệp
và Trung tâm Logistics ICD Đông Hòa thuộc Khu kinh tế Nam Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024;

Căn cứ Luật số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 24/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên, tỉnh Phú Yên đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 1613/QĐ-TTg ngày 20/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu kinh tế và các Khu công nghiệp Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 09684/UBND-CNXD ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc tiếp nhận tài trợ kinh phí lập Quy hoạch phân khu khu vực Trung tâm logistics gắn với cảng cạn (ICD) và vùng phụ cận tại phường Hòa Hiệp, tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết số 850/NQ-UBND ngày 21/10/2026 của UBND tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 5011/TB-HĐTĐ ngày 25/6/2026 của Hội đồng thẩm định quy hoạch về Kết luận đối với Nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực Trung tâm logistics gắn với cảng cạn (ICD) dự kiến và vùng phụ cận tại Khu kinh tế Nam Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý các Khu kinh tế và các Khu công nghiệp Đắk Lắk tại Tờ trình số 01/TTr-KKT ngày 24/9/2026, Công văn số 134/KKT-BQL ngày 13/10/2026 và Báo cáo kết quả thẩm định số 478/BC-SXD ngày 28/8/2026 của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Hòa Hiệp và Trung tâm Logistics ICD Đông Hòa thuộc Khu kinh tế Nam Phú Yên với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

- Khu vực lập quy hoạch thuộc địa bàn phường Hoà Hiệp, tỉnh Đắk Lắk, có giới cận như sau:

+ Phía Đông: Giáp Khu công nghiệp Hòa Hiệp 1, khu dân cư và đường Hòa Hiệp;

+ Phía Tây: Giáp đất trồng lúa và đường quy hoạch Hòa Hiệp 1;

+ Phía Nam: Giáp đường quy hoạch Đông Tây 1;

+ Phía Bắc: Giáp Khu hậu cần Sân bay Tuy Hòa.

- Quy mô diện tích khu vực nghiên cứu lập quy hoạch: Khoảng 512 ha.

- Thời hạn quy hoạch: Đến năm 2040 (Theo thời hạn quy hoạch của Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên, tỉnh Phú Yên đến năm 2040 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 24/10/2023).

2. Mục tiêu quy hoạch

- Cụ thể hóa các định hướng của Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk, Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Nam Phú Yên đến năm 2040 và các quy hoạch có liên quan; tổ chức không gian Khu đô thị Hòa Hiệp và Trung tâm Logistics đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả quỹ đất, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển của Khu kinh tế Nam Phú Yên.

- Hình thành Trung tâm Logistics gắn với Cảng cạn (ICD) theo quy hoạch và Trung tâm đổi mới sáng tạo có quy mô phù hợp; phát triển hệ thống logistics

thông minh, trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và chuyển đổi số; kết nối hiệu quả với cảng biển, sân bay, đường sắt, đường bộ và các khu công nghiệp; đồng thời quy hoạch đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nhà ở, thương mại, dịch vụ và các công trình công cộng đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và hoạt động logistics.

- Làm cơ sở xác định các chỉ tiêu sử dụng đất, tổ chức không gian, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển đô thị xanh, thông minh, bền vững, đồng thời làm cơ sở pháp lý để quản lý quy hoạch, triển khai các dự án đầu tư và thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào Khu kinh tế Nam Phú Yên.

3. Tính chất khu vực lập quy hoạch

- Là khu đô thị - dịch vụ hiện đại phát triển đồng bộ với Trung tâm logistics và Cảng cạn (ICD), đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ và nâng cao chất lượng sống của người dân.

- Là khu vực phát triển Trung tâm logistics đa chức năng gắn với Cảng cạn (ICD), thực hiện các hoạt động kho bãi, trung chuyển hàng hóa, thông quan, phân phối, logistics tích hợp và kết nối vận tải đa phương thức.

- Là khu vực nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực logistics, quản lý chuỗi cung ứng, vận tải thông minh và các lĩnh vực có liên quan; từng bước hình thành các chức năng nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần xây dựng hệ sinh thái logistics hiện đại, phù hợp với định hướng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

4. Sơ bộ dự báo phát triển

Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chính tuân thủ các quy định nêu tại QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng đối với đô thị loại III và QCVN 108:2021/BGTVT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng cạn, cụ thể như sau:

Bảng thống kê các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đối với khu đô thị Hòa Hiệp

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu QH
	Tổng diện tích lập quy hoạch	ha	445
1	Dân số		
	Dân số quy hoạch dự kiến	Người	15.000 - 30.000
2	Chỉ tiêu sử dụng đất		
2.1	Đất dân dụng		
	- Đất đơn vị ở	m ² /người	28-45
	- Cây xanh đô thị tối thiểu	m ² /người	≥5
2.2	Mật độ xây dựng	%	
	Trong đó:		
	- Công trình giáo dục	%	≤40
	- Công viên chuyên đề	%	≤25

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu QH
	- Công trình DVCC khác	%	≤ 40
3	Hạ tầng xã hội		
3.1	Nhà trẻ, mẫu giáo	cháu/1000 người	50
		m ² /1 cháu	≥ 12
3.2	Trường tiểu học	học sinh/1000 người	65
		m ² /1 học sinh	≥ 10
3.3	Công trình y tế	công trình/đơn vị	≥ 1
		m ² /trạm	≥ 500
4	Hạ tầng kỹ thuật đô thị		
4.1	Mật độ đường giao thông tính đến đường phân khu vực	Km/km ²	13,3÷10
4.2	Tỷ lệ đất giao thông	%	≥ 18
4.3	Chỉ tiêu cấp nước tối thiểu		
	- Cấp nước sinh hoạt (Qsh)	l/ng-ngđ	150-180
	- Nước rửa đường	l/m ² /ng.đ	$\geq 0,4$
	- Nước tưới cây	l/m ² /ng.đ	≥ 3
	- Nước cho công cộng	%Qsh	≥ 10
4.4	Thoát nước sinh hoạt	% Q cấp	95% - 100%
4.5	Rác thải sinh hoạt	kg/ng-ngđ	1 - 1,3
4.6	Chỉ tiêu cấp điện tối thiểu		
	- Cấp điện sinh hoạt	W/người	500-700
	- Điện cho công trình công cộng	% phụ tải sinh hoạt	35
	- Chiếu sáng đường phố	W/m ²	1
	- Chiếu sáng công viên, vườn hoa	W/m ²	0,5
4.7	Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G	%	≥ 80

Bảng chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đối với khu vực cảng cạn, logistics

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu QH
	Tổng diện tích lập quy hoạch	ha	67
1	Đất giao thông	%	$\geq 10\%$
2	Đất cây xanh	%	$\geq 10\%$
3	Đất các khu kỹ thuật	%	$\geq 1\%$
4	Đất khu cảng cạn (dự kiến)	ha	≥ 10 ha

5. Các yêu cầu cần nghiên cứu đối với nội dung quy hoạch

Các nội dung nghiên cứu lập quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, phù hợp với quy hoạch cấp trên, các quy

hoạch có liên quan, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và đặc điểm của khu vực lập quy hoạch; trong đó, một số nội dung trọng tâm như sau:

- Rà soát, cập nhật các quy hoạch cấp trên, quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan; các chương trình, kế hoạch, dự án đầu tư đã, đang và dự kiến triển khai trong và ngoài phạm vi lập quy hoạch có ảnh hưởng đến khu vực. Đánh giá tổng hợp hiện trạng về điều kiện tự nhiên, dân số, lao động, sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, môi trường, quốc phòng, an ninh; xác định các nội dung cần kế thừa, điều chỉnh, bổ sung và các vấn đề trọng tâm cần giải quyết.

- Xác định tính chất, mục tiêu, động lực phát triển; dự báo quy mô dân số, lao động, nhu cầu sử dụng đất; xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phù hợp với tính chất, chức năng của Khu đô thị Hòa Hiệp, Trung tâm Logistics ICD Đông Hòa, Trung tâm Đổi mới sáng tạo và các khu chức năng khác.

- Nghiên cứu cơ cấu sử dụng đất và phân khu chức năng; xác định các khu vực phát triển đô thị mới, khu dân cư hiện hữu cần chỉnh trang, cải tạo, các khu vực chuyển đổi chức năng; bố trí hợp lý đất ở, nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân và chuyên gia, công trình công cộng, giáo dục, y tế, thương mại - dịch vụ, cây xanh, mặt nước, khu tái định cư và các khu chức năng khác. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất, mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất và các yêu cầu kiểm soát phát triển phù hợp với từng khu vực.

- Nghiên cứu tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị; xác định hệ thống trung tâm, các trục không gian chính, cửa ngõ, điểm nhấn, không gian công cộng, cây xanh, mặt nước; tổ chức không gian hài hòa giữa khu đô thị, Trung tâm Logistics ICD, Trung tâm Đổi mới sáng tạo và các khu chức năng lân cận; bảo tồn, khai thác hợp lý các yếu tố tự nhiên, cảnh quan và công trình có giá trị.

- Nghiên cứu quy mô, vị trí, cơ cấu sử dụng đất và tổ chức không gian Trung tâm Đổi mới sáng tạo, bảo đảm phù hợp với tổng thể khu vực quy hoạch; định hướng hình thành không gian nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, chuyển đổi số, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp công nghệ, các tổ chức nghiên cứu, đào tạo và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ. Nghiên cứu mối liên kết chặt chẽ giữa Trung tâm Đổi mới sáng tạo với Trung tâm Logistics ICD Đông Hòa, khu đô thị, các khu sản xuất - dịch vụ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số; phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo gắn với logistics thông minh, quản lý chuỗi cung ứng, vận tải thông minh và kinh tế số. Nội dung này phù hợp trực tiếp với định hướng đã xác định trong Thuyết minh nhiệm vụ.

- Nghiên cứu Trung tâm Logistics và Cảng cạn (ICD) trên cơ sở nhu cầu phát triển và khả năng kết nối vùng; dự báo nhu cầu vận chuyển, trung chuyển, sản lượng và cơ cấu hàng hóa, nhu cầu kho bãi, bãi container và dịch vụ logistics để xác định hợp lý quy mô, công suất, quỹ đất, cơ cấu chức năng và phân kỳ đầu tư; bảo đảm khả năng phát triển lâu dài và khai thác hiệu quả.

- Nghiên cứu hệ thống giao thông và kết nối vận tải đa phương thức; bảo

đảm kết nối đồng bộ giữa khu vực quy hoạch với hệ thống đường bộ, đường sắt, cảng biển, cảng hàng không, các khu công nghiệp và các đầu mối giao thông liên quan. Tổ chức hợp lý, tách biệt luồng vận tải hàng hóa, xe tải, xe container với giao thông đô thị và giao thông phục vụ dân cư; nghiên cứu khả năng kết nối trực tiếp Trung tâm Logistics ICD với đường sắt và các phương thức vận tải khác theo quy hoạch cấp trên. Thuyết minh nhiệm vụ hiện đã đặt yêu cầu khá cụ thể đối với việc phân luồng xe container và kết nối ICD với các đầu mối vận tải.

- Nghiên cứu các hành lang bảo vệ, hành lang cách ly và khu vực chuyển tiếp giữa Trung tâm Logistics ICD với khu dân cư và các khu chức năng nhạy cảm; đề xuất giải pháp cây xanh cách ly, kiểm soát tiếng ồn, bụi, khí thải, an toàn giao thông và môi trường.

- Nghiên cứu đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm giao thông, cao độ nền và thoát nước mưa, cấp nước, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, hạ tầng viễn thông và hạ tầng số, thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang và các công trình đầu mối; bảo đảm khớp nối với hạ tầng khu vực, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị, logistics, ICD và Trung tâm Đổi mới sáng tạo; không làm gia tăng nguy cơ ngập úng đối với khu vực quy hoạch và khu dân cư lân cận.

- Đánh giá các vấn đề về môi trường, thiên tai và biến đổi khí hậu; dự báo tác động của hoạt động đô thị, logistics, kho bãi, vận tải hàng hóa và các hoạt động phát triển khác; đề xuất các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm, quản lý và giám sát môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, phát triển đô thị xanh, thông minh và bền vững.

- Nghiên cứu các phương án tổ chức không gian và cơ cấu sử dụng đất; phân tích, so sánh và lựa chọn phương án phù hợp; xác định các khu vực ưu tiên đầu tư, chương trình, dự án trọng điểm, nhu cầu giải phóng mặt bằng, tái định cư và phân kỳ thực hiện; đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện và quản lý phát triển theo quy hoạch, bảo đảm tính đồng bộ, khả thi và hiệu quả.

6. Các yêu cầu về Hồ sơ, sản phẩm quy hoạch

Thành phần, nội dung và quy cách hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điều 2 và Điều 15 Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

6.1. Hồ sơ quy hoạch bằng bản giấy:

- Phần bản vẽ: Đầy đủ các bản vẽ theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Thông tư số 16/2025/TT-BXD, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 43/2025/TT-BXD, gồm:

TT	Tên sản phẩm	Tỷ lệ bản vẽ
1	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất	Tỷ lệ thích hợp
2	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất và kiến trúc, cảnh quan	1/2.000
3	Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường	1/2.000

TT	Tên sản phẩm	Tỷ lệ bản vẽ
4	Bản đồ sử dụng đất quy hoạch	1/2.000
5	Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan	1/2.000
6	Bản đồ quy hoạch hệ thống công trình giao thông và chỉ giới xây dựng, chỉ giới đường đỏ	1/2.000
7	Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật	1/2.000
8	Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp nước	1/2.000
9	Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn	1/2.000
10	Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp năng lượng và chiếu sáng	1/2.000
11	Bản đồ quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động	1/2.000
12	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật	1/2.000
13	Bản vẽ xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm	Tỷ lệ thích hợp
14	Bản vẽ thiết kế đô thị	Tỷ lệ thích hợp

- Phần văn bản: Thuyết minh tổng hợp (*thuyết minh, bản vẽ thu nhỏ, phụ lục và các văn bản pháp lý liên quan*); Tờ trình đề nghị phê duyệt, dự thảo Quyết định phê duyệt, Quy định quản lý theo quy hoạch và các văn bản, tài liệu pháp lý có liên quan theo quy định.

- Số lượng sản phẩm: Số lượng hồ sơ (in màu) để đóng dấu xác nhận là 07 bộ theo quy định; số lượng hồ sơ phục vụ lấy ý kiến, thẩm định, phê duyệt, công bố, lưu trữ và giao nộp bổ sung được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan thẩm định, cơ quan tổ chức lập quy hoạch và hợp đồng tư vấn.

6.2. Hồ sơ điện tử quy hoạch: Hồ sơ điện tử được lập đồng thời với hồ sơ bản giấy và thực hiện theo khoản 2 Điều 2 và Chương V Thông tư số 16/2025/TT-BXD, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 43/2025/TT-BXD, bao gồm:

- Cơ sở dữ liệu số cơ bản: Các tệp tin bản vẽ và văn bản được sử dụng để in hồ sơ bản giấy.

- Cơ sở dữ liệu số pháp lý: Các tệp tin được số hóa, quét từ hồ sơ bản giấy hoặc chứng thực điện tử.

- Cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS): Các tệp tin được chuyển đổi thành dữ liệu địa lý từ cơ sở dữ liệu gốc.

7. Các yêu cầu, nguyên tắc về lấy ý kiến

Việc lấy ý kiến về quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật quy hoạch đô thị và nông thôn, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; trong đó:

- Việc lấy ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và chuyên gia có liên quan về quy hoạch được thực hiện bằng hình thức gửi hồ sơ để nghiên cứu, có ý kiến bằng văn bản; thời hạn cho ý kiến là 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

- Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan được thực hiện bằng một hoặc một số hình thức: Gửi hồ sơ, tài liệu để lấy ý kiến bằng văn bản; niêm yết, trưng bày công khai tại nơi công cộng để tiếp nhận ý kiến; hoặc các hình thức

khác theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở. Thời gian lấy ý kiến ít nhất là 20 ngày và không quá 30 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến; trường hợp chưa hết thời gian nhưng đã nhận được đầy đủ ý kiến của cộng đồng dân cư thì được thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

- Hồ sơ lấy ý kiến phải bảo đảm nội dung, thành phần theo quy định; đối với cộng đồng dân cư cần thể hiện rõ các nội dung chính của phương án quy hoạch bằng báo cáo tóm tắt, sơ đồ, bản vẽ và tài liệu cần thiết để người dân có thể tiếp cận, nghiên cứu và tham gia ý kiến.

- Các ý kiến tham gia phải được tổng hợp đầy đủ, nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ trước khi trình thẩm định, phê duyệt; nội dung báo cáo tiếp thu, giải trình phải được công bố công khai, minh bạch theo quy định.

8. Dự toán kinh phí lập quy hoạch: 2.861.147.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm sáu mươi một triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*)

(*Chi tiết theo Thuyết minh Nhiệm vụ quy hoạch*)

9. Nguồn vốn: Chi thường xuyên Ngân sách tỉnh (tương ứng với số tiền nộp vào thu ngân sách nhà nước của đơn vị tài trợ).

10. Thời gian lập Quy hoạch: Không quá 09 tháng, tính từ ngày lựa chọn được tổ chức tư vấn lập quy hoạch đến khi trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ban Quản lý các Khu kinh tế và các Khu công nghiệp Đắk Lắk.
- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Được lựa chọn theo quy định.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Trưởng Ban Quản lý các Khu kinh tế và các Khu công nghiệp Đắk Lắk, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XIV; Chủ tịch UBND phường Hòa Hiệp và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CNXD(v-1b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Công Thái